**- Lệ phí liên quan đến cấp thẻ căn cước:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục** | **Lệ phí** |
| Công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân | 15.000 đồng/thẻ |
| Đổi thẻ Căn cước công dân khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông tin trên thẻ | 25.000 đồng/thẻ |
| Cấp lại thẻ Căn cước khi bị mất thẻ Căn cước/Căn cước công dân, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam. | 35.000 đồng/thẻ |

**- Lệ phí liên quan đến cấp hộ chiếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục** | **Lệ phí** |
| **Lệ phí cấp hộ chiếu (bao gồm hộ chiếu gắn chíp điện tử và hộ chiếu không gắn chíp điện tử)** |  |
| Cấp mới | 160.000  |
| Cấp lại do bị hỏng hoặc bị mất | 320.000  |
| Cấp giấy xác nhận yếu tố nhân sự | 80.000 |
| **Lệ phí cấp giấy thông hành** |  |
| Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào hoặc Việt Nam - Campuchia | 40.000 |
| Giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới cho cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp với đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc | 40.000 |
| Giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới cấp cho công dân Việt Nam thường trú tại các xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc | 4.000 |
| **Giấy thông hành xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam sang công tác, du lịch các tỉnh, thành phố biên giới Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam** |  |
| Lệ phí cấp giấy phép xuất cảnh |  |
| Cấp giấy phép xuất cảnh | 160.000  |
| Cấp công hàm xin thị thực | 8.000 |
| **Cấp thẻ ABTC của thương nhân APEC** |  |
| Cấp lần đầu | 960.000  |
| Cấp lại | 800.000 |
| Lệ phí cấp tem AB | 800.000 |